QUYỀN CON NGƯỜI TRONG HIẾN PHÁP NĂM 2013

Nhà giáo ưu tú, PGS.TS. Chu Hồng Thanh
Thành viên Ban Biên tập sửa đổi, bổ sung Hiến pháp

Quyền con người là tiếng nói chung, mục tiêu chung của xã hội loài người. Pháp luật về quyền con người ghi nhận các tư tưởng và lý luận về quyền con người, bảo vệ và thúc đẩy sự phát triển tự do, nhân phẩm và hạnh phúc của mỗi người, mỗi quốc gia và văn minh nhân loại. Sự ghi nhận các quyền và tự do cơ bản của con người trong Hiến pháp Việt Nam thể hiện quan điểm cơ bản của Đảng và Nhà nước Việt Nam: Quyền con người vừa là mục tiêu vừa là động lực của sự phát triển đất nước, vì dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh. Chỉ thị số 12/CT-TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng năm 1992 "Vấn đề quyền con người và quan điểm, chủ trương của Đảng ta" xác định: "*Đối với chúng ta, vấn đề quyền con người được đặt ra xuất phát từ mục tiêu của Chủ nghĩa xã hội, từ bản chất của chế độ* ta và bao quát rộng rãi nhiều *lĩnh vực, từ* chính trị, *tư tưởng, văn hóa đến* kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng, pháp chế*..."*

Kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XIII nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua Hiến pháp năm 2013 gồm 11 chương, 120 điều, riêng chế định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Chương II từ Điều 14 đến Điều 49 gồm 36/120 điều, là chương chứa đựng nhiều điều nhất và nhiều điểm mới nhất. Tuy nhiên, quyền con người không chỉ được quy định tập trung trong Chương II mà còn là quan điểm, nội dung xuyên suốt trong toàn bộ Hiến pháp năm 2013.

Hiến pháp năm 2013 là Hiến pháp vì các quyền và tự do cơ bản của con người với mục tiêu quan trọng nhất là tiếp tục phát huy dân chủ, bảo đảm chủ quyền Nhân dân, bảo đảm thực hiện tốt hơn quyền con người. Hiến pháp năm 2013 đánh dấu bước phát triển mới mạnh mẽ trong tư duy lý luận của Đảng và Nhà nước ta trong một loạt vấn đề cơ bản của thời đại và sự nghiệp đổi mới đất nước, trong đó có vấn đề quyền con người. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ

lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung và phát triển năm 2011) cũng chỉ rõ: "Q*uan tâm hơn* nữa vi*ệc chăm lo hạ*nh phúc và s*ự* phát tri*ển tự* do, toàn diện c*ủa con ngườ*i, b*ảo vệ* quyền và l*ợi* ích h*ợp* pháp c*ủa con ngườ*i, tôn tr*ọ*ng và thực hi*ện các điều ướ*c qu*ố*c t*ế* mà Việt Nam ký k*ết*". Khẳng định mạnh mẽ bản chất nhà nước ta là nhà nước thực hiện chủ quyền Nhân dân, thực hành dân chủ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân và bảo đảm quyền lực của Nhân dân, Điều 2 Hiến pháp năm 2013 khẳng định: "Nhà n*ướ*c Cộng hòa xã hội ch*ủ nghĩa* Việt Nam là n*hà nướ*c pháp quyền xã hội ch*ủ nghĩa* c*ủ*a Nhân dân, do Nhân dân, v*ì Nhân dân. Nướ*c Cộng hòa xã hội ch*ủ nghĩa Việ*t Nam do Nhân dân làm ch*ủ*; t*ất* c*ả* quyền lực nhà n*ướ*c thu*ộ*c v*ề Nhân dân…"*.

Nếu Hiến pháp năm 1992 (Điều 6) quy định Nhân dân sử dụng quyền lực nhà nước thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân, nghĩa là chỉ thông qua hình thức dân chủ đại diện thì Hiến pháp năm 2013 (Điều 6) quy định rõ những cách thức để Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước là dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện. Quy định này đã đặt nền tảng cho việc hoàn thiện một hình thức dân chủ cao nhất là chế định bầu cử, để thực hiện đầy đủ hơn, thực chất hơn quyền bầu cử và trách nhiệm của đại biểu dân cử. Hiến pháp năm 2013 quy định Hội đồng bầu cử quốc gia như một thiết chế hiến định độc lập để thực hiện quyền chính trị quan trọng này. Nếu Hiến pháp năm 1992 quy định: "Quố*c hội là cơ quan duy nhấ*t có quyền l*ập* hiến và l*ập pháp"* (Điều 83) và "Ch*ỉ* Quốc h*ội* mới có quyền s*ửa đổ*i Hi*ến* pháp" (Điều 147) thì từ những nhận thức mới về quyền lập hiến, chủ quyền Nhân dân và quyền con người, Hiến pháp năm 2013 đã bỏ nội dung trên và thay vào đó là quy định về sự kết hợp giữa thẩm quyền lập hiến của Quốc hội, sáng kiến lập hiến của các cơ quan nhà nước, của đại biểu Quốc hội với quyền lập hiến của Nhân dân dưới hình thức trưng cầu ý dân về Hiến pháp "…vi*ệc trưng cầ*u ý dân v*ề* Hi*ến* pháp do Quốc h*ội* quy*ết đị*nh" (Khoản 4 Điều 120). Như vậy, Hiến pháp năm 2013 đã mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa, khẳng định mạnh mẽ chủ quyền Nhân dân. Quyền làm chủ của Nhân dân (hay chủ quyền Nhân dân) đã được ghi nhận

ngay từ Hiến pháp năm 1946, đến Hiến pháp năm 2013 tiếp tục khẳng định và cụ thể hóa tư tưởng về quyền làm chủ của Nhân dân thông qua một loạt quy định: Trong Lời nói đầu nêu rõ chủ thể xây dựng, thi hành và bảo vệ Hiến pháp là Nhân dân; Điều 2 khẳng định nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ, tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân… Những nội dung này tạo nền tảng vững chắc bảo đảm thực hiện quyền con người ở nước ta.

Hiến pháp năm 2013 thúc đẩy việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Nhà nước pháp quyền phải là nhà nước mà trong đó các quyền con người được ghi nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm. Theo nghĩa đó, thúc đẩy nhà nước pháp quyền cũng có nghĩa là thúc đẩy sự tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm các quyền con người. Mục tiêu xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đã đề cập trong Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi 2001) được tiếp tục cụ thể hóa trong Hiến pháp năm 2013, thông qua một loạt quy định tại các Điều 2, Điều 3, Điều 6, Điều 7, Điều 8 và nhiều điều khác. Trong đó, trách nhiệm của Nhà nước là phải bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người; thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện (Điều 3). Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức là phải tôn trọng Nhân dân, tận tụy phục vụ Nhân dân, liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của Nhân dân (Điều 8), tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người (Điều 14).

Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi 2001) quy định: "Quyền l*ực nhà nướ*c là thống nhất, có s*ự* phân công và phối hợp gi*ữa các cơ quan nhà nướ*c trong việc thực hiện các quyền l*ập pháp, hành pháp, tư pháp"*. Để xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bảo đảm quyền con người, quyền công dân, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI năm 2011 của Đảng khẳng định sự cần thiết phải xác định rõ ràng thiết chế tổ chức quyền lực và cần thiết bổ sung nội dung kiểm soát quyền lực vào thành một yếu tố mới của cơ chế quyền lực nhà nước

ở nước ta. Hiến pháp năm 2013 đã hiến định nội dung mới này, xác định rõ ba bộ phận của quyền lực nhà nước, trong đó Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước. Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, thực hiện quyền hành pháp. Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử, thực hiện quyền tư pháp. Viện kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp. Đặc biệt, Hiến pháp năm 2013 đã bổ sung "kiểm soát" vào thiết chế tổ chức quyền lực để bảo đảm tổ chức bộ máy được tổ chức có hiệu lực, hạn chế lạm quyền dẫn đến vi phạm quyền con người: "Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp". (Khoản 3 Điều 2)

Cùng với những điểm nhấn mạnh mang đậm nét cách tiếp cận về bảo đảm thực hiện quyền con người, Hiến pháp năm 2013 đã có những bổ sung mới quan trọng nhằm bảo đảm vị thế và tính độc lập của hoạt động tư pháp - một yêu cầu không thể thiếu trong cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực ở nước ta. Tòa án nhân dân được xác định là cơ quan xét xử, thực hiện quyền tư pháp. Sứ mệnh của Tòa án nhân dân là bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Đây là những điểm mới có ý nghĩa quan trọng trong lịch sử lập hiến Việt Nam, khẳng định những nguyên tắc của một nền tư pháp hiện đại vì con người, bảo đảm quyền con người, cụ thể là nguyên tắc hai cấp xét xử mà thực chất đó là bảo đảm để thúc đẩy quyền của người bị buộc tội được yêu cầu xem xét lại bản án; nguyên tắc về quyền bào chữa của bị can, bị cáo, quyền bảo vệ lợi ích hợp pháp của đương sự; nguyên tắc về sự tham gia xét xử của Hội thẩm nhân dân. Những nguyên tắc trên đây phản ánh tính dân chủ và đề cao quyền tiếp cận công lý của người dân, bảo đảm quyền con người trong hoạt động tư pháp.

Nội dung 36 điều của Chương II Hiến pháp năm 2013 đã có thể quán xuyến được hầu hết các quyền dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa được ghi nhận trong Bộ luật nhân quyền quốc tế (International Bill on Human Rights). Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Sinh Hùng, Trưởng Ban soạn thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 đã khái quát: "Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được đề cao, được đưa lên vị trí trang trọng hàng đầu trong Hiến pháp (Chương II). Đó vừa là kế thừa Hiến pháp năm 1946 do Chủ tịch Hồ Chí Minh - Trưởng Ban soạn thảo; vừa thể hiện nhận thức mới, đầy đủ, sâu sắc hơn trong việc thể chế hóa quan điểm của Đảng và nhà nước ta về đề cao nhân tố con người, coi con người là chủ thể, nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của sự phát triển"[1]. Những tiến bộ vượt bậc của Chương II Hiến pháp năm 2013 trong việc ghi nhận và thực thi các công ước quốc tế về quyền con người tại Việt Nam được thể hiện ở một số điểm chủ yếu sau đây:

1. Hiến pháp năm 2013 đã đổi tên chương là "Quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân", so với tên gọi cũ của chương này trong Hiến pháp năm 1992 là "quyền và nghĩa vụ công dân". Từ xác định tên chương, Hiến pháp năm 1992 chỉ bàn chủ yếu đến quyền công dân, chưa bao quát hết nội dung cần có là quyền con người. Hiến pháp năm 2013 đã khắc phục nhược điểm này, đã hiến định những yêu cầu cơ bản về bảo đảm quyền con người, trong đó quyền con người lần đầu tiên được đưa vào tên chương ở cụm từ đầu tiên trong tên gọi của chương.

2. Hiến pháp năm 2013 đã chuyển Chương "Quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân" từ vị trí Chương 5 trong Hiến pháp năm 1992 lên vị trí Chương 2. Việc chuyển đổi vị trí của chương không thuần túy là động tác kỹ thuật, mà qua đó cho thấy các nhà lập hiến đã nhận thức rõ hơn về tầm quan trọng của chế định quyền con người trong Hiến pháp. Kinh nghiệm lập hiến của các nước trên thế giới cho thấy nhiệm vụ chủ yếu của Hiến pháp là quy định về quyền con người,

[1] *"Hiến pháp nước* Cộng hòa xã hội chủ *nghĩa Việt* Nam, nền tảng chính trị pháp lý cho công cuộc đổi mới toàn diện *đất nước* trong thời kỳ *mới"*, NXB Lao động xã hội năm 2014, Trang19.

quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân và xác định phạm vi quyền lực nhà nước. Xuất phát từ tư duy mới về Hiến pháp, kinh nghiệm lập hiến và tình hình thực tế, nội dung quyền con người quyền công dân đã "*…được đưa lên vị* trí trang trọng *hàng đầ*u trong Hiến pháp" (Nguyễn Sinh Hùng).

3. Quyền con người và quyền công dân là hai khái niệm cùng loại, đồng dạng nhưng không đồng nhất mà có những giá trị xã hội khác nhau. Hiến pháp năm 2013 không còn đồng nhất quyền con người và quyền công dân như ở Điều 50 Hiến pháp năm 1992 khi quy định quyền con người "*…thể hiện ở quyền công dân*". Hiến pháp năm 2013 đã sử dụng cả 2 thuật ngữ "quyền con người" và "quyền công dân" với những nội dung được xác định rõ ràng, thể hiện các quyền và tự do hiến định để bảo đảm thực hiện quyền con người, quyền công dân. Quan điểm khẳng định mạnh mẽ giá trị, vai trò quan trọng của quyền con người trong Hiến pháp năm 2013 là một quan điểm được đồng thuận cao trong lần thảo luận để ban hành Hiến pháp.

Nếu Hiến pháp năm 1992 chỉ quy định chủ thể quyền là công dân thì Hiến pháp năm 2013 quy định chủ thể quyền không chỉ là công dân mà quyền của con người, của m*ọi ngườ*i, quyền của mỗi người đều có chứ không chỉ công dân. Như vậy, với những quyền này, không chỉ công dân Việt Nam mà tất cả mọi người, mỗi người với tư cách thành viên xã hội, người nước ngoài có mặt trên lãnh thổ Việt Nam… cũng được Hiến pháp và pháp luật Việt Nam bảo đảm. Hiến pháp năm 2013 xác định rất rõ ràng về tính riêng biệt của quyền con người, quyền công dân. Trong 36 điều của Chương II khi dùng "m*ọi ngườ*i" tức là chủ thể của quyền con người, bao gồm cả công dân. Quyền con người nói chung (bao gồm cả công dân) được nhắc đến trong "m*ọi ngườ*i", trong tất cả những "không ai", "t*ổ* ch*ứ*c, cá nhân", "N*gườ*i Việt Nam *ở nướ*c ngoài", "*người nước ngoài cư trú ở* Việt Nam". Trong tất cả những điều khoản không nhắc đến chủ thể hoặc đối tượng cụ thể thì đều được hiểu chủ thể của quyền không chỉ là công dân. Những quy định mới này phù hợp với Bộ luật nhân quyền quốc tế, các điều ước quốc tế về nhân quyền và

với chủ trương, chính sách mở cửa, hội nhập quốc tế toàn diện của Đảng, Nhà nước Việt Nam.

4. Nếu Hiến pháp năm 1992 chỉ đề cập đến nghĩa vụ của Nhà nước trong việc tôn trọng các quyền con người ở Điều 50, thì Hiến pháp năm 2013 đã mở rộng, ghi nhận cả ba nghĩa vụ của nhà nước là nghĩa vụ tôn trọng, nghĩa vụ bảo vệ và nghĩa vụ bảo đảm thực hiện quyền con người. Quy định này được thể hiện trong các Điều 3 và Điều 14 tương ứng với các quy định về nghĩa vụ quốc gia trong Bộ luật nhân quyền quốc tế. Sự bổ sung mới này của Hiến pháp năm 2013 có ý nghĩa rất quan trọng, không chỉ bảo đảm sự hài hòa giữa pháp luật Việt Nam với luật nhân quyền quốc tế mà còn tạo cơ sở hiến định ràng buộc các cơ quan nhà nước phải thực hiện đầy đủ và nghiêm túc những nghĩa vụ và trách nhiệm của nhà nước về quyền con người trong thực tế, đặc biệt là hai nghĩa vụ bảo vệ và bảo đảm thực hiện chứ không chỉ là tôn trọng chung chung như cách hiểu của Điều 50 Hiến pháp năm 1992.

5. Hiến pháp năm 2013 lần đầu tiên quy định nguyên tắc về hạn chế quyền tại Khoản 2 Điều 14 mà trong các Hiến pháp trước đây quy định chưa rõ. Đây là nguyên tắc đã được nêu trong Luật nhân quyền quốc tế và trong Hiến pháp của một số quốc gia (Điều 29 Tuyên ngôn toàn thế giới về nhân quyền năm 1948, Điều 4 Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa năm 1966 và một số điều trong Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị năm 1966).

Việc hiến định nguyên tắc hạn chế quyền ở Điều 14 có ý nghĩa rất quan trọng: **(i)** Làm sâu sắc hơn tinh thần của Bộ luật nhân quyền quốc tế là các nhà nước phải tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm thực hiện các quyền con người ngay cả khi nhà nước đặt ra và áp dụng những giới hạn một số quyền nhằm thực hiện chức năng của nhà nước là quản lý xã hội, nhằm bảo đảm các quyền, lợi ích chung của cộng đồng và bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của các cá nhân khác; **(ii)** Ngăn chặn khả năng lạm dụng quyền lực nhà nước để vi phạm quyền con người, thông

qua việc ấn định những điều kiện chặt chẽ việc hạn chế quyền. Nguyên tắc này có ý nghĩa quan trọng trong việc ngăn ngừa các cơ quan nhà nước tùy tiện giải thích và hạn chế các quyền hiến định mà đã xảy ra khá nhiều ở Việt Nam, bởi nó nêu rõ những lý do có thể được sử dụng để hạn chế quyền, cùng với việc giới hạn chủ thể duy nhất là Quốc hội mới có thể quyết định việc này (bằng luật), chứ không phải bất cứ cơ quan nhà nước nào (bằng pháp luật) như trong Hiến pháp năm 1992. **(iii)** Phòng ngừa những suy nghĩ và hành động cực đoan trong việc hưởng thụ các quyền mà không chú ý đến quyền và tự do của người khác và xã hội.

Chương II Hiến pháp năm 2013 khẳng định tôn trọng và bảo đảm tôn trọng quyền và tự do của mỗi người đồng thời đòi hỏi mỗi người thực hiện quyền trong mối quan hệ tôn trọng quyền và tự do của người khác. Điều 15 Hiến pháp năm 2013 quy định: "M*ọi người có nghĩa vụ* tôn trọng quyền c*ủa người khác… Việ*c thực hiện quy*ền con ngư*ời, quy*ền công dân không đượ*c xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp c*ủa người khác"*.

6. Thực hiện nguyên tắc kế thừa và phát triển, Chương II Hiến pháp năm 2013 đã củng cố hầu hết các quyền đã được ghi nhận trong Hiến pháp năm 1992 nhưng quy định rõ hơn hoặc được tách thành các điều riêng cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn và các quy định trong các điều ước quốc tế về nhân quyền. Nhiều quy định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân đã được quy định trong các Hiến pháp năm 1992 và các Hiến pháp trước đây đã được bổ sung, hoàn thiện, làm mới theo tư duy mới hoặc tách ra thành các điều riêng như các quyền: *Bình đẳng trướ*c pháp luật (Điều 16); C*ấ*m tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình (Điều 20 Khoản 1); B*ảo vệ đời tư và nơi ở* (Điều 21, 22); Tiếp cận thông tin (Điều 25); Tham gia qu*ản lý nhà nướ*c và xã hội (Điều 28); *Bình đẳ*ng giới (Điều 26); B*ỏ* phi*ếu trong trưng cầ*u ý dân (Điều 29); T*ố* tụng công bằng (Điều 31); S*ở* hữu và s*ở* h*ữu tư nhân* (Điều 32); *Lao độ*ng, việc làm (Điều 35). Các quy định này trong Hiến pháp không chỉ thể hiện rõ hơn nội hàm khái niệm và nội dung các quyền mà còn nâng cao tính khả thi của những quy định về quyền ngay trong Hiến pháp.

7. Chương II Hiến pháp năm 2013 đã ghi nhận một số quyền mới mà Hiến pháp năm 1992 và các Hiến pháp trước đó của Việt Nam đều chưa đề cập, nhưng những nội dung này đã được xác định rõ ràng trong các điều ước quốc tế về nhân quyền mà Việt Nam là thành viên, bao gồm: Quyền sống (Điều 19); Các quyền *về văn hóa* (Điều 41); Quyền *xác định* dân tộc, *sử* dụng ngôn ngữ mẹ *đẻ*, lựa chọn ngôn ngữ giao tiếp (Điều 42); Quyền s*ống trong môi trườ*ng trong lành (Điều 43); Quyền của công dân không bị trục xuất, giao n*ộp cho nướ*c khác (Điều 17 Khoản 2); Quyền *có nơi ở* hợp pháp (Điều 22); Quyền *đượ*c b*ảo đả*m an sinh xã hội (Điều 34)…Những quyền mới này đã mở rộng phạm vi bảo vệ, bảo đảm thực hiện của Hiến pháp với các quyền con người trên tất cả các lĩnh vực: dân sự, chính trị (Điều 21, 17, 42) và kinh tế, xã hội, văn hóa (Điều 41, 42, 43, 22, 34) ở nước ta, phù hợp với Bộ luật nhân quyền quốc tế. Nhiều quyền mới được ghi nhận trong Hiến pháp năm 2013 đáp ứng những nhu cầu mới về quyền con người nảy sinh trong thời kỳ đổi mới đất nước (Điều 43, 22, 34) và hội nhập quốc tế (Điều 17, 41, 42, 22) của Việt Nam.

8. Nội dung về quyền được tố tụng công bằng trong Điều 72 Hiến pháp năm 1992 được mở rộng đáng kể trong Điều 31 Hiến pháp năm 2013. Được xét xử công bằng là một giá trị xã hội quan trọng trong chế định pháp lý về quyền con người. Trong Hiến pháp năm 1992, quyền được tố tụng công bằng chỉ bao gồm các yếu tố suy đoán vô tội; bồi thường thiệt hại vật chất và phục hồi danh dự cho người bị oan sai trong tố tụng; xử lý nghiêm minh người thi hành tố tụng gây oan sai. Trong Hiến pháp năm 2013, ngoài những nội dung trên đây còn bao gồm những nội dung khác như: xét xử kịp thời, công bằng, công khai; không bị kết án hai lần cho cùng một tội phạm; quyền tự bào chữa hoặc nhờ luật sư bào chữa…Việc mở rộng nội dung này phù hợp với yêu cầu thực thi Bộ luật nhân quyền quốc tế và quy định của các công ước quốc tế về quyền con người tại Việt Nam.

9. Sở hữu tư nhân là vấn đề thường xuyên được thảo luận và đã được đề cập trong các Hiến pháp trước đây, đến Hiến pháp năm 2013 đã đem lại những nhận

thức pháp lý mới. Chủ thể của quyền sở hữu tư nhân đã được mở rộng từ "công dân" trong Hiến pháp năm 1992 sang "m*ọi ngườ*i" trong Điều 32 Hiến pháp năm 2013, nghĩa là không chỉ công dân Việt Nam mà mọi người sống trên đất nước Việt Nam đều có quyền về tài sản và nhân thân phi tài sản. Sự mở rộng này phù hợp với thực tế thực hiện các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết, tham gia và đáp ứng yêu cầu của hội nhập quốc tế, khi mà các thể nhân, pháp nhân nước ngoài hiện diện làm ăn, sinh sống ngày càng nhiều ở nước ta, họ cũng phải được bảo vệ quyền tư hữu tài sản và tư liệu sản xuất, đây là một trong những tiền đề cơ bản nhất để mọi người có thể yên tâm làm ăn, sinh sống ở Việt Nam.

10. Lao động và việc làm là một trong những quyền trọng tâm trong hệ thống các quyền con người. Chương II Hiến pháp năm 2013 đã thay thế những quy định dài dòng, mang tính hô hào, "khẩu hiệu" về lao động, việc làm trong Điều 55, 56 Hiến pháp năm 1992 thay vào đó là những quy định thực chất hơn, rõ ràng hơn, đặc biệt là bám sát các điều khoản liên quan trong Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa năm 1966. Theo Điều 35, Hiến pháp năm 2013, quyền về lao động, việc làm bao gồm: quyền làm việc, lựa chọn nghề nghiệp, việc làm và nơi làm việc; quyền được bảo đảm các điều kiện làm việc công bằng, an toàn; được hưởng lương, chế độ nghỉ ngơi. Đồng thời quy định nghiêm cấm phân biệt đối xử, cưỡng bức lao động, sử dụng nhân công dưới độ tuổi lao động…Những quy định mới và rõ ràng này trong Hiến pháp năm 2013 có giá trị xã hội to lớn bảo vệ quyền con người trong điều kiện phân công lại lao động xã hội, tái cấu trúc nền kinh tế và hội nhập kinh tế thế giới đang diễn ra sôi động trên đất nước ta.

11. Chương II Hiến pháp năm 2013 khắc phục được một số điểm của Hiến pháp năm 1992 đã bị không ít nhà nghiên cứu phê phán là nặng về quy định các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa mà xem nhẹ quy định các quyền chính trị, dân sự với việc bổ sung mới rất nhiều quyền dân sự, chính trị như: Quyền sống, quyền không bị bắt làm nô lệ, quyền không bị lao động cưỡng bức, quyền không bị tra tấn, đánh đập, xúc phạm nhân phẩm, quyền xác định dân tộc, quyền sử dụng ngôn

ngữ mẹ đẻ, quyền tự do lựa chọn ngôn ngữ giao tiếp, quyền về môi trường…Có thể nói 36 điều của Chương II Hiến pháp năm 2013 đã bao quát khá đầy đủ các quyền con người về dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa trong Bộ luật nhân quyền quốc tế.

12. Chương II Hiến pháp năm 2013 khẳng định, quy định rõ hơn và làm sâu sắc hơn quyền dân chủ trực tiếp của Nhân dân trong việc tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả nước (Điều 28), biểu quyết khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân (Điều 29). Có thể nói, trưng cầu ý dân là một hình thức dân chủ trực tiếp quan trọng, vì một mặt bảo đảm quyền của Nhân dân với tư cách là chủ thể của quyền lực nhà nước, mặt khác bảo đảm cho những quyết định về các vấn đề hệ trọng của đất nước được thông qua một cách dân chủ hơn, cẩn trọng hơn, chính đáng hơn. Quy định này cũng thể hiện bản chất dân chủ của Nhà nước ta, đề cao vai trò của Nhân dân trong việc tham gia quản lý và quyết định những vấn đề về nhà nước và xã hội.

13. Chương II Hiến pháp năm 2013 đặc biệt nhấn mạnh trách nhiệm của Nhà nước và sự cam kết của Nhà nước trong việc bảo đảm thực hiện quyền con người. Điều 14 Hiến pháp năm 2013 là sự cam kết vững chắc về vai trò của Hiến pháp và pháp luật trong bảo đảm quyền con người: "*Nhà nướ*c tôn trọng và b*ảo hộ* quyền t*ự do tín ngưỡ*ng, tôn giáo" (Điều 24); "*Nhà nướ*c, xã h*ội và gia đình tạo điề*u ki*ện để* ph*ụ nữ* phát tri*ển* toàn di*ện, phát huy vai trò…*" (Điều 26);"*Nhà nướ*c t*ạo điề*u ki*ện để* công dân tham gia qu*ản* lý nh*à nướ*c và xã h*ội*" (Điều 28); "*Nhà nướ*c b*ảo hộ hôn nhân và gia đình, bả*o h*ộ* quyền lợi c*ủa ngườ*i m*ẹ* và tr*ẻ* em" (Điều 36). Trẻ em, thanh niên, người cao tuổi được nhà nước chăm sóc, tạo điều kiện, bảo trợ (Điều 37) v.v… Các cam kết đó còn được thể hiện ngay tại Chương I và các chương khác của Hiến pháp năm 2013.

Ngoài ra, một loạt quy định mới bổ sung hoặc được sửa đổi trong Hiến pháp năm 2013 về cải cách hành chính quốc gia để bảo đảm quyền con người đã tạo lập khuôn khổ mới cho việc quản trị quốc gia. Hiến pháp đã bổ sung quy định về phân quyền giữa trung ương và địa phương theo mô hình phát triển, cho phép chính quyền địa phương có ngân sách riêng (Điều 55 và Điều 112); thiết lập hai cơ quan hiến định độc lập là Hội đồng bầu cử quốc gia và Kiểm toán Nhà nước (Điều 117 và Điều 118); làm rõ hơn vai trò phản biện, giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, giám sát và phản biện xã hội của Nhân dân (Điều 9)…Đặc biệt lần đầu tiên Hiến pháp nhắc đến cụm từ "*cơ chế* b*ả*o v*ệ* Hi*ến* pháp" và xác định Nhân dân là một trong các chủ thể bảo vệ Hiến pháp; cơ chế bảo vệ Hiến pháp sẽ " …do Lu*ật định*" (Điều 119). Quy định này đã mở ra một khả năng mới sẽ có một đạo luật riêng về bảo vệ Hiến pháp trên cơ sở nguyên tắc đã được hiến định, là tiền đề để bảo vệ quyền con người ở cấp cao nhất, bảo hiến chính là bảo vệ các quyền hiến định. Thông qua Hiến pháp, Nhân dân trao quyền cho cơ quan nhà nước thực hiện quyền lực nhà nước và Nhân dân cũng có trách nhiệm bảo vệ bản Hiến pháp khỏi sự vi phạm của bất kỳ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào. Hiến pháp cũng đã dành 1 chương riêng (Chương X) về Hội đồng bầu cử quốc gia mà bản thân nó cũng đã là cơ chế bảo hiến, thực hiện quyền con người. Với Hiến pháp năm 2013 thì trung thành với Tổ quốc và Nhân dân, bảo vệ quyền con người phải trở thành trách nhiệm, nghĩa vụ và sứ mệnh của lãnh đạo đất nước, phải có cam kết rõ ràng để thực hiện trách nhiệm này. Khoản 7 Điều 70 Hiến pháp năm 2013 đã đặt ra một quy định mới chưa từng có trong tiền lệ sinh hoạt chính trị pháp quyền ở nước ta. Theo đó, "…*Sau khi đượ*c b*ầ*u, Ch*ủ tịch nướ*c, Ch*ủ t*ịch Qu*ố*c h*ội*, Th*ủ tướ*ng Chính ph*ủ*, Chánh án Tòa án nhân dân t*ối* cao ph*ải* tuyên th*ệ* trung thành v*ới* T*ổ* qu*ố*c, Nhân dân và Hi*ến pháp"*.

Hiến pháp năm 2013 khắc phục đáng kể cách diễn đạt thể hiện tư tưởng ban phát quyền cho con người bằng cách thay đổi cách diễn đạt và văn phong pháp lý. Nhiều cụm từ "*nhà nướ*c b*ảo đả*m", "*nhà nướ*c t*ạo điề*u kiện", "*nhà nướ*c khuyến

khích"… đã được thay bằng "mọi người có quyền", "công dân có quyền"…Hiến pháp năm 2013 cũng lược bỏ một khối lượng đáng kể các cụm từ "*theo quy định của pháp luật*", "*theo quy định của luật*"…điều này thể hiện tư duy tiến bộ trong việc thừa nhận khả năng áp dụng trực tiếp các quy phạm Hiến pháp, đồng thời ghi nhận sự ràng buộc trách nhiệm của nhà nước đối với việc bảo vệ, bảo đảm thực hiện quyền con người, trách nhiệm pháp lý này đã được xác định rõ ràng trong Luật nhân quyền quốc tế.

Để bảo đảm thực hiện quyền con người trong quan hệ với chủ quyền quốc gia thì đại đoàn kết dân tộc là một truyền thống quý báu trong lịch sử dựng nước và giữ nước ở Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam đặc biệt coi trọng đại đoàn kết dân tộc, phát huy sức mạnh toàn dân tộc. Từ Đại hội IX, X, XI của Đảng, đại đoàn kết dân tộc được coi là động lực của phát triển. Hiến pháp năm 2013 tiếp tục khẳng định và thể hiện rõ hơn tư tưởng phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, coi đại đoàn kết toàn dân tộc là động lực, nguồn sức mạnh to lớn để xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước *"2. Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết*, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; nghiêm cấm mọi hành vi kỳ thị, chia rẽ dân tộc. Ngôn ngữ quốc gia là tiếng Việt. Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc, phát huy phong tục, tập quán, truyền thống *và văn* hóa tốt đẹp của mình. *Nhà nước* thực hiện chính sách phát triển toàn diện và tạo *điều kiện để* các dân tộc thiểu số phát huy nội lực, cùng phát triển *với đất nước"*. (Điều 5)

Điều 18 Hiến pháp năm 2013 khẳng định người Việt Nam định cư ở nước ngoài là bộ phận không tách rời của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Nhà nước Công hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khuyến khích và tạo điều kiện để người Việt Nam định cư ở nước ngoài giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam, giữ quan hệ gắn bó với gia đình và quê hương, góp phần xây dựng quê hương đất nước. Với Hiến pháp năm 2013, lần đầu tiên trong lịch sử, vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đại diện cho lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân đã được hiến

định, cũng lần đầu tiên Hiến pháp hiến định vai trò phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Đây là một bước tiến mới của tiến trình thực hiện dân chủ, là cơ hội để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các thành viên của Mặt trận và Nhân dân phát huy vai trò của mình, đóng góp nhiều hơn nữa vào tiến trình phát triển của đất nước, vì các quyền và tự do cơ bản của con người Việt Nam. Tuy nhiên, những quy định này của Hiến pháp năm 2013 cũng đòi hỏi Mặt trận phải đổi mới hơn nữa phương thức hoạt động để có thể hoàn thành trọng trách mà Nhân dân giao phó, bảo vệ và bảo đảm thực hiện quyền con người.

Điều 10 Hiến pháp năm 2013 quy định Công đoàn Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội của giai cấp công nhân và của người lao động, được thành lập trên cơ sở tự nguyện, đại diện cho người lao động, chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động; tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội; tham gia kiểm tra, thanh tra, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp về những vấn đề liên quan đến quyền, nghĩa vụ của người lao động; tuyên truyền, vận động người lao động học tập, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp, chấp hành pháp luật, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Vị trí, vai trò của Công đoàn Việt Nam đã được ghi nhận từ Hiến pháp năm 1959, 1980 và 1992. Quy định tại Điều 10 Hiến pháp năm 2013 về công đoàn tiếp tục khẳng định vị trí, vai trò của tổ chức đại diện người lao động trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay ở nước ta. Trong quá trình hội nhập quốc tế và phát triển kinh tế - xã hội đất nước, việc khẳng định và phát huy vai trò của tổ chức công đoàn có ý nghĩa to lớn. Một mặt, bảo vệ quyền và lợi ích của người lao động, mặt khác tạo cơ chế để công đoàn tham gia chủ động và tích cực vào các quan hệ lao động, đặc biệt là quan hệ ba bên Nhà nước - doanh nghiệp - người lao động, đáp ứng những yêu cầu bảo vệ người lao động trong nền kinh tế thị trường và trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Các quy định của Hiến pháp năm 2013 cho thấy không chỉ thông qua Nhà nước do mình xây dựng nên, mà thông qua Mặt trận, Công đoàn, Đoàn Thanh niên,

các hiệp hội, đoàn thể và tổ chức nghề nghiệp, Nhân dân có thể phát huy chủ quyền Nhân dân, đồng thời trực tiếp ứng cử và bầu cử, trực tiếp quyết định qua trưng cầu ý dân và các hình thức dân chủ trực tiếp khác để thực hiện quyền lực của mình. Quyền con người không chỉ thể hiện tại Chương II mà còn được thể hiện trong chế định về chế độ chính trị, các chế định về kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học công nghệ và môi trường; Bảo vệ Tổ quốc; Quốc hội; Chủ tịch nước; Chính phủ; Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân; Chính quyền địa phương; Hội đồng bầu cử quốc gia và Kiểm toán nhà nước. Hiến pháp năm 2013 đã kế thừa, sửa đổi và bổ sung rất nhiều nội dung mới để phù hợp và thể chế hóa những định hướng, mục tiêu mới trong Cương lĩnh năm 2011 và các văn kiện khác của Đại hội Đảng lần thứ XI với yêu cầu: ”*…bảo đảm đổi mới đồng bộ cả về kinh tế và chính trị, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tốt hơn quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; xây dựng và bảo vệ đất nước; tích cực và chủ động hội nhập quốc tế*”.